

**BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH**  
**Chương: 599**

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 53 /QĐ-BQLVQG PB ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Ban quản lý VQG Phước Bình)

Đơn vị tính: Đồng

| STT      | Nội dung  | Tổng số liệu báo cáo quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch   | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc |                             |
|----------|---|---------------------------------|------------------------------------|--------------|--|-----------------------------|
|          |   |                                 |                                    |              | Văn phòng Ban quản lý VQG Phước Bình                     | Trung tâm GDMT và DVMT rừng |
| <i>1</i> | <i>2</i>  | <i>3</i>                        | <i>4</i>                           | <i>5=4-3</i> | <i>6</i>   | <i>7</i>                    |
| <b>A</b> | <b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | <b>199.055.120</b>              | <b>199.055.120</b>                 | <b>-</b>     |  | <b>199.055.120</b>          |
| <b>B</b> | <b>Quyết toán chi ngân sách nhà ngược</b>             | <b>31.781.727.333</b>           | <b>31.781.727.333</b>              | <b>-</b>     | <b>30.367.926.275</b>                                    | <b>1.413.801.058</b>        |
| 1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                        | 5.027.611.383                   | 5.027.611.383                      | -            | 3.817.413.560  | 1.210.197.823               |
| 2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  | 26.754.115.950                  | 26.754.115.950                     | -            | 26.550.512.715   | 203.603.235                 |